

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trị;
Ông Bùi Đức Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Nữ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trần Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1993 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn VT, xã T1, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1990 (vắng mặt lần 02 không rõ lý do);
Địa chỉ: Thôn T2, xã B, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Trần Văn V tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam. Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2019 tại UBND xã Th, huyện TS, tỉnh Bình Định nay là xã B, tỉnh Gia Lai.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Trần Văn V không lo làm ăn, đam mê cờ bạc, số đề, không chu cấp tiền để nuôi con, còn về chửi mắng bà. Vợ chồng đã sống ly thân

từ năm 2022 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn niềm tin với nhau nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Tuấn K (giới tính: Nam), sinh ngày 09/6/2020, hiện con chung đang ở với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn V vắng mặt lần thứ hai không có lý do: ông Trần Văn V đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2025 Công an xã B, tỉnh Gia Lai cung cấp: Ông Trần Văn V, sinh năm 1990, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T2, xã B, tỉnh Gia Lai. Ông V chạy xe ở thành phố nhưng vẫn đi đi về về vào những dịp đám giỗ, lễ tết.

Theo biên bản xác minh ngày 01/7/2025 thôn trưởng thôn T2, xã B cung cấp: Bà T và ông V là vợ chồng; trước đây bà T có đi về sống ở nhà chồng tại thôn T2, xã B; nhưng từ khoảng năm 2022 thì hai vợ chồng không còn chung sống nữa và không thấy bà T về nhà chồng nữa. Theo ông được biết thì ông V có chơi cờ bạc, nợ nần nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên vẫn còn một vi phạm; Đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T: Bà T được ly hôn ông Trần Văn V. Giao con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 09/6/2020 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành; ông Trần Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm: bà Trần Thị T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn V kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện TS, tỉnh Bình Định ngày 20/9/2019 đúng theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông V cờ bạc, nợ nần, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Ông V không chu cấp tiền để chăm lo cho con, cho cuộc sống gia đình.

Hai bên đã cắt đứt quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau, sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Vợ chồng xa cách đã lâu nhưng hai bên vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông V có một con chung tên Trần Tuấn K (giới tính: Nam), sinh ngày 09/6/2020, hiện con chung đang ở với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến trưởng thành. HĐXX xét thấy yêu cầu của bà T là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Tòa không xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần buộc bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005867 ngày 21/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà T đã nộp xong án phí.

[6] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Văn V.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Tuấn K (nam), sinh ngày 09/6/2020 cho bà Trần Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên miễn xét.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom, chăm sóc, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005867 ngày 21/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; bà T đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Bình Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam